

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/HS-ST

Ngày: 18-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thắng
Bà Trần Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Dương Hồng Hoà - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 96/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Đình T; sinh năm 1996; nơi sinh, ĐKKHKT và cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn Th và bà Nguyễn Thị B; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 18/7/2019 đến ngày 26/7/2019 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1980, trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

2. Anh Tạ Công M, sinh năm 1986, trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Y, Nam Định (Vắng mặt).

3. Anh Trần Huy A, sinh năm 1986, trú tại: Xóm T, xã K, huyện B, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

4. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1983, trú tại: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

5. Chị Vũ Thị Ngọc T2, sinh năm 1981, trú tại: TDP Đ, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

6. Anh Trần Huy Đ, sinh năm 1988, trú tại: Xóm T, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

7. Anh Bùi Phi H, sinh năm 1988, trú tại: Đội 4, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

N DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, N dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/6/2017, Trần Trung D, sinh năm 1985 tên gọi khác là “D1”; trú tại thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định, thuê nhà anh Đỗ Văn Ch, sinh năm 1973, trú tại số 10 Trần Huy Liệu, thị trấn G, huyện B, tỉnh Nam Định tại địa chỉ đường 10, phố Tây Sơn, thị trấn G, huyện B, tỉnh Nam Định. Trần Trung D sử dụng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 07B.8.003001 cấp ngày 06/06/2016 và mở hiệu cầm đồ lấy biển hiệu là “Tài Phát”. D là người điều hành hoạt động quán cầm đồ và cho người khác vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Đầu năm 2018, D thuê Vũ Đình T làm việc tại hiệu cầm đồ và trả tiền công cho T là 4 triệu đồng/01 tháng, đến đầu năm 2019 tăng lên 5 triệu đồng/01 tháng. T thường xuyên có mặt tại hiệu cầm đồ, khi có khách đến vay tiền thì gặp trực tiếp D, nếu D không có mặt tại quán thì T cho khách số điện thoại của D là 0977795179 để khách liên lạc với D thỏa thuận số tiền muốn vay, lãi xuất vay, thời gian trả lãi. Nếu D đồng ý cho khách vay tiền thì D trực tiếp làm thủ tục cho vay hoặc D bảo T làm thủ tục cho vay, lãi suất cho vay từ 3000đ đến 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương đương từ 108% đến 180%/năm và đưa tiền cho khách. Thời gian khách trả lãi từ 10 ngày đến 01 tháng 01 lần. Ngoài những lần D trực tiếp thu tiền lãi và tiền gốc thì T sẽ thu tiền lãi và tiền gốc từ những người vay và chuyển lại cho D. D và T quản lý việc cho vay bằng cách ghi chép vào sổ sách hoặc sử dụng một phần mềm quản lý trên mạng internet có tên “ag.mecash.vn”, được truy cập trên máy tính và trên điện thoại, tài khoản do D lập có tên “duongphuong”. Nếu khách nào chậm trả lãi thì T sẽ điện cho khách hoặc T trực tiếp đến nhà gặp khách để nhắc việc trả lãi.

Ngày 18/7/2019, Tổ công tác liên ngành tiến hành kiểm tra hành chính hoạt động của hiệu cầm đồ “Tài phát” tại địa chỉ phố T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Nam Định. Tại thời điểm kiểm tra chỉ có mặt Vũ Đình T. Quá trình kiểm tra, tổ công tác phát hiện một số giấy tờ, sổ sách có nội dung ghi chép về hoạt động cho vay tiền với lãi xuất cao để thu lợi bất chính đã lập biên bản kiểm tra hành chính, tạm giữ những đồ vật, tài liệu có liên quan.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã làm rõ Trần Trung D và Vũ Đình T cho 07 người vay tiền với số tiền vay là 538.000.000đ, lãi suất cho vay từ 3000đ đến 5000đ/ 01 triệu/01 ngày , tương đương từ 108% đến 180%/ 01 năm, đều cao hơn gấp 5 lần Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định. Số tiền lãi thu được là 413.020.000đ, tính

trừ đi 20% là tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì số tiền lãi vượt quá mà D và T thu lợi bất chính là 364.219.997đ, nội dung cụ thể như sau:

Người thứ nhất: Anh Đỗ Văn T1

Lần 1: Ngày 20/10/2017, do quen biết từ trước với Trần Trung D, anh T1 đến hiệu cầm đồ gặp D hỏi vay số tiền 100 triệu, D đồng ý cho vay với lãi suất 5000đ/01 triệu 01 ngày, tương ứng 180%/năm. Khi nào T1 chậm trả lãi thì Vũ Đình T sẽ gọi điện nhắc trả nợ hoặc T đến nhà gặp trực tiếp T1 để nhắc trả nợ, T1 trả lãi cho D từ ngày 20/10/2017 đến ngày 31/12/2017 là 35.000.000đ, từ 01/01/2018 đến 31/07/2018 là 105.000.000đ. Sau đó anh T1 nợ tiền lãi cho đến nay và chưa trả tiền gốc.

Lần 2: Ngày 24/9/2018, anh T1 tiếp tục đến gặp D hỏi vay số tiền 100.000.000đ và thỏa thuận vay với cùng lãi suất 5000đ/01 triệu 01 ngày, D đồng ý cho T1 vay tiền. T1 viết giấy vay nợ với số tiền nêu trên. T1 đã trả cho D và T số tiền lãi của 09 tháng là 135.000.000đ và chưa trả số tiền gốc đã vay.

Quá trình T1 trả lãi cho D bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của D tại Ngân hàng Teckcombank thành phố Nam Định số 19032750301010 hoặc tài khoản Ngân hàng Vietcombank Nam Định số 0831000009062, nếu anh T1 chậm trả lãi thì Vũ Đình T (sử dụng số điện thoại 0832355551) gọi nhắc trả lãi và gặp trực tiếp T1 để thu tiền lãi.

Đối với khoản vay lần 1, T1 trả lãi từ 20/10/2017 đến 31/12/2017 số tiền 35.000.000 đ, thời gian trả lãi trước ngày 01/01/2018, hành vi cho vay do hai bên thỏa thuận chưa có tính chất chuyên bóc lột. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định không xử lý về hành vi cho vay tiền trong thời gian này.

Tổng số tiền lãi của 2 lần vay T1 đã trả từ ngày 01/01/2018 trong 16 tháng là 240.000.000đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là $240.000.000đ - (100.000.000đ : 12 \times 20\%) \times 16 = 213.333.333đ$.

Người thứ hai: Anh Tạ Công M

Lần 1: Tháng 5/2018, do cần tiền mua gỗ nên M đến quán cầm đồ “Tài phát” gặp Trần Trung D hỏi vay số tiền 10 triệu đồng, D đồng ý cho M vay với lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng 180%/năm. D bảo T làm thủ tục cho Mạnh vay tiền, T bảo M viết giấy vay tiền D và đưa tiền cho M, cứ 10 ngày M đến trả tiền lãi 1 lần, sau 01 tháng thì M trả hết tiền gốc và trả được 03 kỳ lãi với tổng số tiền là 1.500.000đ.

Lần 2: Tháng 7/2018, M đến quán cầm đồ “Tài phát” gặp D và T hỏi vay số tiền 20 triệu đồng, D đồng ý cho vay với lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng 180%/năm, T bảo M viết giấy vay D rồi nhận số tiền 20 triệu đồng. Cứ sau 10 ngày M đến quán cầm đồ đóng lãi cho Tiến số tiền 1.000.000đ. M nộp tiền lãi 08 kì (01 kì là 10 ngày) với số tiền là 8.000.000đ.

Lần 3: Ngày 27/9/2018, M đến quán cầm đồ gặp D để vay thêm số tiền 10 triệu đồng cũng với lãi suất là 5000đ/01 triệu/ 001 ngày, tương ứng 180%/năm, D đưa tiền cho M rồi M viết giấy vay tiền D với tổng số tiền vay là 30 triệu đồng (cả số tiền gốc 20 triệu đồng M chưa trả). Cứ sau 10 ngày M trả tiền lãi cho T là 1.500.000đ. M đã

trả cho Tiền 28 kỳ tiền lãi, tương ứng số tiền 42.000.000đ. Mạnh chưa trả số tiền gốc 30 triệu đồng.

Tổng số tiền lãi M đã trả cho Tiền là 51.500.000đ. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp của lần 1 là $1.500.000đ - (10.000.000đ : 12 \times 20\%) = 1.333.333đ$, lần 2 là $8.000.000đ - (20.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 80 = 7.111.111đ$, lần 3 là $42.000.000đ - (30.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 280 = 37.333.333đ$.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $1.333.333đ + 7.111.111đ + 37.333.333đ = 45.777.777đ$.

Người thứ ba: Anh Trần Huy A

Do A quen biết từ trước với Trần Trung D có cửa hiệu cầm đồ “Tài phát” tại đường 10, thị trấn G, huyện B, tỉnh Nam Định. Ngày 24/09/2018, A đến hiệu cầm đồ gặp D hỏi vay 34 triệu, D đồng ý cho A vay với lãi suất 4000đ/01 triệu/01 ngày và bảo A viết giấy vay tiền. A đến trả lãi hàng tháng cho T, sau khi trả được 02 tháng tiền lãi là 8.160.000đ thì A xin khất trả lãi. Đến đầu tháng 7/2019, T gọi điện giục trả lãi thì A trả thêm số tiền 23.000.000đ, số tiền còn lại A nợ và tiền gốc chưa trả. Tổng số tiền lãi mà A đã trả là 31.160.000đ.

Số ngày A trả tiền lãi là: $31.160.000đ : (4000đ \times 34) = 229,1$ ngày (theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, làm tròn là 230 ngày).

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là $31.160.000đ - (34.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 230 = 26.815.555đ$.

Người thứ tư: Chị Bùi Thị N

Lần 1: Ngày 12/02/2018, chị N có đến gặp trực tiếp Trần Trung D vay số tiền 300 triệu với lãi suất 5%/ 01 tháng tương đương 60%/01 năm, sau 01 tháng chị N đến trả lãi và trả được 50 triệu tiền gốc, còn nợ tiền gốc là 250 triệu. Chị N tiếp tục trả lãi đến 01/3/2019 với tổng số tiền 165 triệu đồng thì trả hết số tiền gốc vay cho D.

Lần 2: Ngày 17/04/2019, Bùi Thị N cùng chồng là Ninh Khắc U đến hiệu cầm đồ “Tài Phát” gặp D hỏi vay số tiền 50 triệu, D đồng ý cho chị N vay với lãi suất 3.500đ/01 triệu/01 ngày, tương đương 126%/1 năm. D đưa cho chị N quyển vở viết để chị N viết giấy vay tiền vào một trang trong sổ và đưa lại cho D. Sau đó, từ 20/4/2019 đến khoảng đầu tháng 5/2019 chị N còn đến vay D 02 lần tiền, một lần vay 50 triệu và 01 lần vay 100 triệu. Chị N và D thống nhất số tiền vay là 200 triệu với lãi suất 3.500đ/ 01 triệu/ 01 ngày, thời gian tính lãi từ ngày 01/5/2019, cứ 10 ngày thì chị N đến trả lãi 01 lần cho T hoặc T tự đến nhà chị N lấy tiền lãi số tiền là 07 triệu. Chị N trả được cho T 06 lần tiền lãi trong 02 tháng tổng cộng là 42.000.000đ. Đến đầu tháng 7/2019 thì chị N đã trả hết tiền gốc cho D.

Đối với khoản vay lần 01 mức lãi suất là 60%/01 năm, không quá 5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định không xem xét trách nhiệm hình sự trong lần vay này.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp lần 2 là $42.000.000đ - (200.000.000đ : 12 \times 20\%) \times 2 = 35.333.333đ$.

Người thứ năm: Chị Vũ Thị Ngọc T2

Ngày 26/9/2018, do cần tiền chi tiêu cá nhân, chị T2 đến quán cầm đồ “Tài phát” gặp T hỏi vay số tiền 30 triệu đồng, sau đó T cho chị T2 số điện thoại của Trần Trung D, chị T2 gọi cho D để thỏa thuận vay số tiền 30 triệu đồng với lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng 180%/năm, 10 ngày trả tiền lãi một lần. D đồng ý cho chị T2 vay tiền và bảo chị T2 dẫn T đến nhà chị T để xem nhà sau đó quay lại quán cầm đồ để làm thủ tục vay. T đưa cho chị T2 một quyển sổ để viết giấy biên nhận tiền rồi đưa cho T số tiền 28.500.000đ, cắt lãi 10 ngày đầu là 1.500.000đ. Tính từ ngày 26/9/2018 đến tháng 7/2019, chị T2 đã trả 29 kỳ lãi (290 ngày) với tổng số tiền lãi cho T là 43.500.000đ, chưa trả số tiền gốc 30 triệu đồng.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là $43.500.000đ - (30.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 290 = 38.666.666đ$.

Người thứ sáu: Anh Trần Huy Đ

Lần 1: Khoảng tháng 6/2018, Đ lấy số điện thoại trên biển hiệu của hiệu cầm đồ Tài Phát và gọi điện cho Trần Trung D hỏi vay 10 triệu, D đồng ý cho Đ vay với lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng 180%/năm. Đại vào gặp T nói đã điện hỏi D vay tiền, T đưa tiền cho Đ và yêu cầu Đ viết giấy vay tiền D không ghi rõ lãi suất, T đưa cho Đ số tiền 8.500.000đ nói là cắt lãi trước 01 tháng. Sau 01 tháng 10 ngày, Đ đến gặp T trả hết số tiền gốc là 10 triệu và trả thêm số tiền lãi là 500.000đ.

Lần 2: Khoảng tháng 11/2018, Đ gọi điện cho D hỏi vay 10 triệu với cùng lãi suất, sau đó làm thủ tục vay tiền với T. Sau 20 ngày Đ đến gặp T trả tiền gốc và số tiền lãi là 1.000.000đ.

Lần 3: Ngày 20/3/2019, Đ gọi điện cho D hỏi vay 10 triệu đồng với cùng lãi suất và làm thủ tục vay với T. Đến ngày 20/4/2019, Đ đến gặp T trả số tiền gốc 10 triệu đồng và số tiền lãi là 1.500.000đ.

Tổng số tiền lãi mà Đ đã trả cho T là 4.500.000đ. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp lần 1 là $2.000.000đ - (10.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 40 = 1.777.778đ$; lần 2 là $1.000.000đ - (10.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 20 = 888.889đ$; lần 3 là $1.500.000đ - (10.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 30 = 1.333.333đ$.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $1.777.778đ + 888.889đ + 1.333.333đ = 4.000.000đ$.

Người thứ bảy: Anh Bùi Phi H

Chiều ngày 11/4/2019, anh H mang chiếc máy tính ASUS - A510 đi đến hiệu cầm đồ “Tài Phát” gọi điện cho Trần Trung D hỏi cầm cố máy tính lấy 10 triệu nhưng D chỉ đồng ý cho cầm số tiền 4 triệu. Khoảng 5 phút sau thì Vũ Đình T đến hiệu cầm đồ làm thủ tục cho H vay, lãi suất là 3000đ/01 triệu/01 ngày. Sau 01 tháng H đến gặp T trả hết tiền gốc và trả số tiền lãi là 360.000đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là $360.000đ - (4.000.000đ : 12 \times 20\%) = 293.333đ$.

Đối với 3 trường hợp khác có vay tiền của Trần Trung D nhưng với lãi suất chưa vượt quá 5 lần của mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định hoặc quá trình vay và trả lãi từ năm 2017. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định không xử lý trong vụ án này.

Tại Cơ quan điều tra Vũ Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với 10 người vay tiền không có mặt tại địa phương và các trường hợp khác, thông tin trong tài liệu thu giữ không ghi rõ địa chỉ người vay nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định tách ra để điều tra sau.

Đối với Trần Trung D đã bỏ trốn Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Nam Định đã ra Quyết định truy nã và tách vụ án hình sự để điều tra.

Bản cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 29/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Vũ Đình T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, bị cáo Vũ Đình T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt: Bị cáo Vũ Đình T 9 tháng đến 12 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo hành nghề từ 1 năm đến 2 năm, đề nghị tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước màn hình và cây máy tính, truy thu khoản tiền lãi 20% năm và buộc trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phần lãi suất vượt quá 20% năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở N dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Từ khoảng tháng 01/2018 đến tháng 7/2019, tại địa chỉ đường 10, phố Tây Sơn, thị

trần G, huyện B, tỉnh Nam Định, Vũ Đình T cùng đồng phạm đã thực hiện hoạt động cho vay tiền 07 trường hợp với số tiền gốc là 538.000.000đ, mức lãi xuất cho vay từ 108%/năm đến 180%/năm, thu lợi bất chính tổng số tiền 364.219.997đ. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS, nên quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tai tệ nạn trong xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và nền kinh tế cộng đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trong thời điểm hiện nay loại tội phạm liên quan đến tín dụng đen đang có nhiều diễn biến phức tạp, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm nghiêm trọng khác, đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ tập trung xử lý bảo đảm tính nghiêm minh, để kịp thời đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi loại tội phạm này trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, Quá trình điều tra truy tố xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, vẫn cần thiết phải xử phạt tù giam, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức trừng trị giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo chỉ là người làm thuê, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Mặc dù bị cáo chỉ là người làm thuê, nhưng do quy định về nghĩa vụ liên đới giữa các đồng phạm, đối với khoản tiền bị cáo cho vay vượt quá mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự, mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, ảnh hưởng đến quyền lợi của những người vay tiền, nên tuyên buộc bị cáo trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[7] Về biện pháp tư pháp: Tuyên truy thu sung quỹ Nhà nước khoản tiền gốc như thừa nhận của bị cáo ở mức thấp là 5.000.000đ vì là phương tiện phạm tội và khoản tiền lãi bị cáo thu được khi cho vay lãi nặng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, mặc dù không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng xác định là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên cần tuyên truy thu sung quỹ Nhà nước để bảo đảm tính nghiêm minh của luật pháp, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Bị cáo được quyền yêu cầu đối tượng liên quan thực hiện nghĩa vụ hoàn lại trong vụ án khác.

[8] Vật chứng của vụ án bao gồm: 01 Màn hình máy tính màu đen nhãn hiệu “SAMSUNG” và 01 Cây máy tính màu đen trên có chữ “CENCO” trên máy vẫn còn lưu danh sách người vay. Hơn nữa, quá trình cho vay D và T quản lý việc cho vay bằng cách ghi chép vào sổ sách hoặc sử dụng một phần mềm quản lý trên mạng

internet có tên “ag.mecash.vn”, được truy cập trên máy tính và điện thoại, nên xác định là phương tiện phạm tội cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước; 01 Gậy sắt dạng gậy 3 khúc màu đen tuyên tịch thu tiêu huỷ; các sổ sách, tài liệu khác là chứng cứ chứng minh tội phạm tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58 BLHS,

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đình T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

2. Xử phạt: Bị cáo Vũ Đình T 9 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2019;

3. Căn cứ khoản 3 Điều 321 BLHS, miễn hình phạt tiền cho bị cáo;

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Đình T có nghĩa vụ trả lại cho:

Anh Đỗ Văn T1 số tiền lãi nhiều hơn quy định là 213.333.333đ (Hai trăm mười ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Anh Tạ Công M số tiền lãi nhiều hơn quy định là 45.777.777đ (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Anh Trần Huy A số tiền lãi nhiều hơn quy định là 26.815.555đ (Hai mươi sáu triệu tám trăm mười lăm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng).

Chị Bùi Thị N số tiền lãi nhiều hơn quy định là 35.333.333đ (Ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Chị Vũ Thị Ngọc T2 số tiền lãi nhiều hơn quy định là 38.666.666đ (Ba mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Anh Trần Huy Đ số tiền lãi nhiều hơn quy định là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Anh Bùi Phi H số tiền lãi nhiều hơn quy định là 293.333đ (Hai trăm chín mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thanh toán tiền thì còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án;

5. Về biện pháp tư pháp: Tuyên truy thu sung quỹ Nhà nước khoản tiền gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và khoản tiền lãi trong phạm vi 20%/năm là 48.800.000đ (Bốn mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) của bị cáo;

6. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS,

Tuyên tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước 01 Màn hình máy tính màu đen nhãn hiệu “SAMSUNG” và 01 Cây máy tính màu đen trên có chữ “CENCO”;

Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 Gậy sắt dạng gậy 3 khúc màu đen.

(Vật chứng đang được quản lý tại kho vật chứng của Cục thi hành án tỉnh Nam Định có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng số 10/20 ngày 04/11/2019 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án tỉnh Nam Định);

7. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Án phí dân sự: Bị cáo Vũ Đình T phải nộp 18.000.000đ.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND+VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định;
- UBND xã Đ;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết